

Chính sách tiếp quản giáo dục Đại học ở miền Nam Việt Nam sau 1975: Từ chỉ đạo đến thực thi

Higher education takeover policies in the South of Vietnam after 1975: from directives to implementation

Lê Nam Trung Hiếu^{a*}, Phan Phúc Lâm Huy^a
Le Nam Trung Hieu^{a*}, Phan Phuc Lam Huy^a

^aKhoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Ngôn ngữ - Xã hội Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

^aFaculty of Social Sciences and Humanities, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 29/05/2024, ngày phản biện xong: 11/07/2024, ngày chấp nhận đăng: 26/08/2024)

Tóm tắt

Bài viết này nghiên cứu quá trình tiếp quản và cải tạo hệ thống giáo dục đại học tại miền Nam Việt Nam sau năm 1975, đa phần dựa trên các tài liệu của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III tại Hà Nội và các tư liệu khác. Chính sách tiếp quản giáo dục đại học được thực hiện theo chỉ thị của Ban Bí thư nhằm thống nhất hệ thống giáo dục cả nước theo hướng cải cách. Quá trình này bao gồm việc cải tạo các ngành học, đặc biệt là các ngành khoa học xã hội, cùng với việc thay đổi cơ cấu tuyển sinh và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Các trường đại học ở miền Nam được sắp xếp lại và phải tuân theo chương trình giáo dục chính trị theo chủ nghĩa Marx-Lenin, trong lúc điều chỉnh lại chương trình và nội dung đào tạo. Nghiên cứu này khẳng định quá trình tiếp quản đại học ở miền Nam Việt Nam có tính chính trị và tính ý thức hệ rõ nét.

Từ khóa: Tiếp quản đại học; đại học miền Nam Việt Nam; chính sách hậu chiến; thống nhất đất nước.

Abstract

This article examines the process of taking over and reforming the higher education system in southern Vietnam after 1975, primarily based on documents from the Ministry of Higher Education and Intermediate Professional Education archived at the National Archives Center III in Hanoi and other historical materials. The higher education takeover policy was implemented according to the directives of the Secretariat of the Vietnam Communist Party to unify the national education system towards reforms. This process included transforming academic disciplines, especially in the social sciences, along with changes in enrollment structures and teacher training. Universities in the South were reorganized and had to adhere to a political education program based on Marxism-Leninism while adjusting their curricula and training content. This study affirms that the process of taking over higher education in southern Vietnam was obviously political and ideological.

Keywords: Higher Education takeover policy; universities in the South of Vietnam; post-war policies; national unification.

*Tác giả liên hệ: Lê Nam Trung Hiếu

Email: lentrunghieu@duytan.edu.vn

1. Đặt vấn đề

1.1. Đánh giá của Bộ Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp về giáo dục Đại học tại miền Nam Việt Nam sau khi đất nước thống nhất

Căn cứ vào *Báo cáo tình hình giáo dục Đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam từ khi Giải phóng tới nay* (1976) (gọi tắt là *Báo cáo*) của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, vào thời điểm 1975, thì “toàn miền Nam có 7 viện đại học công (trong đó có 3 viện đại học cộng đồng) bao gồm trên 12 vạn học sinh, đại bộ phận là học sinh ghi danh nằm ở các năm thứ nhất của các trường đại học văn khoa, luật khoa và khoa học... Ngoài ra, có tất cả 11 VDH (tức viện đại học - TG) tư tồn tại hợp pháp dưới chế độ cũ bao gồm khoảng 30.000 học sinh...” [3, 1]. Phần lớn sinh viên học các ngành liên quan tới Luật và Văn, còn lượng sinh viên các ngành kỹ thuật và nông nghiệp vài năm trước 1975 con số có tăng lên, nhưng theo *Báo cáo* là vẫn “không đáng kể” [3, 1-2]. Về con số giảng viên đại học, báo cáo này thống kê số lượng giáo chức đại học trước ngày đất nước thống nhất “vào khoảng 1500 người, đi nước ngoài khoảng 150 người, kể cả đi tu nghiệp lẫn đi di tản trước giải phóng” [3, 2]. Nhận xét về mặt cơ sở vật chất của các trường đại học ở miền Nam Việt Nam, *Báo cáo* (1976) của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp nhận xét rằng “bề ngoài tuy có vẻ khang trang nhưng thực tế diện tích sử dụng rất chật hẹp” và chỉ có một vài trường được đánh giá là có “máy móc tốt và hiện đại” [3, 2].

Đáng lưu ý, nhận xét về mục tiêu đào tạo, *Báo cáo* (1976) đã đưa ra một đánh giá có tính ý thức hệ, cho rằng giáo dục đại học của Việt Nam Cộng hòa là “nhằm phục vụ lợi ích cá nhân. Chương trình, nội dung và phương pháp giáo

dục của nhà trường cũ mang đầy đủ tính chất của nền giáo dục thực dân kiểu mới... nhà trường tách rời với thực tiễn sản xuất với đời sống xã hội” [3, 2].

Sau khi trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ tiếp quản nền giáo dục đại học của Việt Nam Cộng hòa, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp đã không có nhiều những đánh giá tích cực về những thành tựu và mặt mạnh của nền giáo dục cũ. Với những nghiên cứu được công bố gần đây về giáo dục Việt Nam Cộng hòa nói chung và nền giáo dục đại học của chính thể này nói riêng¹, sự vắng mặt của các đánh giá khách quan và công tâm hơn vào thời điểm này hàm ý những vấn đề của lịch sử và thời đại đã chi phối cách nhìn nhận của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp về tình hình giáo dục đại học miền Nam vào những năm sau khi đất nước thống nhất.

1.2. Về Chỉ thị số 221-CT/TW và Chỉ thị số 222-CT/TW

Chỉ sau thời điểm 30.4.1975 chưa đầy hai tháng, Ban Khoa giáo Trung ương đã tham mưu với Ban Bí thư ra *Chỉ thị số 221-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng và Chỉ thị số 222-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong giai đoạn trước mắt* [7]. Nội dung của hai chỉ thị này đã lần lượt được trích dẫn toàn văn trong Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36 (1975) [7, 225-236] [7, 237-245].

1.2.1. Chỉ thị số 221-CT/TW

Chỉ thị số 221-CT/TW (17/6/1975) nhằm tiếp quản và chỉnh lý hệ thống giáo dục tại miền Nam Việt Nam do chính quyền Việt Nam Cộng hòa để lại. Mặc dù tập trung vào mảng giáo dục mầm

¹ Số liệu này được thống kê từ hai trang web: *NapoleonCat* (nền tảng trực tuyến chuyên cung cấp các công cụ quản lý Tiêu biểu như Luận án Tiến sĩ *Giáo dục Đại học thời Việt Nam Cộng hòa (1956 - 1975)* của Hoàng Thị Hồng Nga, bảo vệ năm 2015 tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu này đã đưa ra kết luận rằng trong quá trình tồn tại (từ năm 1956 đến năm 1975), mặc dù còn nhiều tồn tại và bất cập, giáo dục đại học Việt Nam Cộng hòa đã đạt được một số kết quả và thể hiện được vai trò nhất định; giáo dục đại học Việt Nam Cộng hòa đã góp phần đào tạo ra một lớp trí thức có trình độ, ở nhiều khía cạnh khác nhau cũng có những đóng góp nhất định.

non và phổ thông, *Chỉ thị số 221-CT/TW* có một phần quan trọng liên quan đến giáo dục đại học là quy định tuyển sinh vào các trường đại học sư phạm nhằm đào tạo ra giáo viên cấp III. Chỉ thị có nội dung quy định như sau:

“ ...

- Trường Đại học Sư phạm đào tạo giáo viên cấp III, tuyển học sinh lớp 12 học 4 năm.

Các Trường Sư phạm trên đây đào tạo đủ các loại cán bộ và giáo viên phổ thông và bổ túc văn hóa: giáo viên dạy các môn khoa học, giáo viên dạy thường thức kỹ thuật, hướng dẫn lao động sản xuất, giáo viên thể dục, cán bộ chuyên trách Đoàn và Đội (việc đào tạo giáo viên nhạc và họa có thể dựa vào các trường nghệ thuật như: Cao đẳng Mỹ thuật, Cao đẳng Âm nhạc).

Cần có kế hoạch phát triển từng bước hệ thống các trường sư phạm có tính toán mạng lưới và quy mô hợp lý, bảo đảm chất lượng, không nên mở ở ạt một lúc ngay từ đầu.

Cần chú trọng tuyển vào các Trường Sư phạm các cấp những người có phẩm chất đạo đức tốt nhất là những chiến sĩ, cán bộ cách mạng trẻ tuổi, các đoàn viên thanh niên tốt, tích cực bồi dưỡng văn hóa cho họ đủ điều kiện vào học.

Sớm chấm dứt việc đào tạo giáo viên cấp tốc, tuyển học sinh sư phạm có trình độ văn hóa quá thấp. Bước đầu, nếu thiếu giáo viên, miền Bắc sẽ chi viện. Có thể tuyển những sinh viên đại học đủ tiêu chuẩn chính trị và đạo đức ra đi dạy rồi tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ sau.

Việc đào tạo giáo viên hoàn toàn do Nhà nước đảm nhiệm, các trường lớp sư phạm do các giáo phái và tư nhân mở trước đây ở vùng mới giải phóng đều phải xóa bỏ...” [7, 232].

1.2.2. Chỉ thị số 222-CT/TW

Cùng ngày với *Chỉ thị số 221-CT/TW*, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị số 222-CT/TW “Về công tác giáo dục Đại học và Chuyên nghiệp ở miền Nam trong thời gian tới”. Chỉ thị này bao quát toàn bộ các vấn đề của nền

giáo dục đại học miền Nam mà Ban Bí thư nhận thức rằng phải sớm giải quyết. Chỉ thị số 222-CT/TW nhận định rằng “...công việc của ngành đại học và chuyên nghiệp còn rất nặng nề và khá phức tạp”, và “cần huy động đầy đủ lực lượng và khả năng của toàn ngành, nắm vững đường lối phương châm của Đảng và Chính phủ” để làm tốt các công việc sau:

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thầy giáo và học sinh. Ngay trong hè 1975, tổ chức cho thầy giáo và học sinh các trường đại học và chuyên nghiệp tham gia một đợt sinh hoạt chính trị.

Nhanh chóng cải biến thành phần giai cấp trong trường học qua con đường bổ túc văn hóa và tuyển sinh, đồng thời có chính sách “lưu dụng” thầy giáo do chế độ cũ để lại và bổ sung các thầy cô giáo có lý lịch chính trị và chuyên môn phù hợp vào hệ thống giáo chức.

Sửa đổi cơ cấu ngành học, hệ thống đào tạo ở miền Nam và nghiên cứu gấp việc sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Đáng lưu ý là các ngành khoa học xã hội (luật, văn, triết,...) được xác định cần cải tạo: sinh viên các ngành này được chuyển sang học các ngành có yêu cầu lớn như sư phạm và kỹ thuật, kinh tế; năm học 1975 - 1976, các ngành khoa học xã hội “chưa tuyển sinh” trong lúc “Ủy ban Khoa học xã hội và các cơ quan pháp chế của Nhà nước nghiên cứu sớm việc mở các ngành luật, triết, xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy, bồi dưỡng thầy giáo” [7, 241]. Bảy viện đại học công tạm thời duy trì; thành lập hệ đào tạo tại chức và sớm mở hệ bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý.

Sửa đổi chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo. Chỉ thị giao Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp “tổ chức việc nghiên cứu sửa đổi chương trình, nội dung giảng dạy” cho các trường đại học ở miền Nam, đặc biệt chú trọng các môn khoa học xã hội. Chỉ thị yêu cầu thực

hiện từng bước giáo dục kết hợp với lao động [7, 241-242].

Quy định một số chính sách đối với số thầy giáo do chế độ cũ để lại và với học sinh.

Tổ chức và chỉ đạo các trường đại học và trung học chuyên nghiệp ở miền Nam, trong đó Chỉ thị số 221-CT/TW quyết định rằng ở miền Nam, Bộ Giáo dục Cộng hoà miền Nam Việt Nam sẽ tạm thời thống nhất quản lý tất cả các viện đại học và các trường chuyên nghiệp [7, 243].

Mục đích của các công việc này là “nhằm từng bước biến các trường đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam vốn là công cụ của Mỹ - Ngụy thành nơi đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho sự nghiệp cách mạng, xây dựng chế độ mới, kinh tế mới, con người mới” [7, 237], tiến tới “bảo đảm hoàn thành tốt đẹp công tác tiếp quản các Viện Đại học và các Trường chuyên nghiệp ở miền Nam, nhanh chóng ổn định sinh hoạt bình thường của các trường và kịp thời triển khai các công tác chuẩn bị cho năm học mới” [7, 244].

2. Phương pháp nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu lịch sử thuần túy, sử dụng phương pháp nghiên cứu cụ thể là nghiên cứu hồ sơ lưu trữ. Phương pháp nghiên cứu này tận dụng hệ thống trung tâm lưu trữ có bề dày hoạt động và được tổ chức khoa học tại Việt Nam. Hệ thống các trung tâm lưu trữ thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, Bộ Nội vụ, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III đã cung cấp nhiều tài liệu quan trọng liên quan tới các chính sách nhằm tiếp quản hệ thống giáo dục nói chung và hệ thống giáo dục đại học nói riêng của Việt Nam Cộng hòa. Các tư liệu ở đây có thể làm rõ phần nào quá trình chỉ đạo và triển khai Chỉ thị số 221-CT/TW và Chỉ thị số 222-CT/TW của Ban Bí thư khoá III, đặc biệt là những văn bản của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp và một số đơn vị cấp cơ sở tại địa phương, cụ thể là các tư liệu:

- *Chỉ thị Số 242/CT.CHCN về nhiệm vụ năm học 1976 - 1977 đối với các trường Trung học chuyên nghiệp ở miền Nam (Số 242/CT.CHCN, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 1976).*

- *Báo cáo tình hình giáo dục Đại học và Chuyên nghiệp ở miền Nam từ khi Giải phóng tới nay.*

- *Chỉ thị số 688/CT về nhiệm vụ năm học 1976-1977 đối với các Trường Đại học ở miền Nam.*

- *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác giáo dục Đại học và THCN ở phía Nam (Báo cáo này được gửi kèm theo công văn số 1006/VP của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp), ngày 10 tháng 5 năm 1977 do Thứ trưởng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp Đặng Hữu ký.*

- *Báo cáo sơ kết Tình hình thực hiện việc "Kết hợp công tác phục vụ giảng dạy và học tập ở các Trường Đại học" theo tinh thần CT222/TTG, thuộc tập Hồ sơ Chỉ thị và Báo cáo Sơ kết của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp về việc thực hiện Chỉ thị CT222/TTG của Thủ tướng Chính phủ năm 1974-1977, từ ngày 4.3.1974 đến 4.1977 (hồ sơ số 33).*

Xét rằng còn chưa nhiều các nghiên cứu khoa học lịch sử đi trước về chủ đề này tại Việt Nam và trên thế giới, việc thực hiện một nghiên cứu bằng phương pháp nghiên cứu hồ sơ lưu trữ có thể xem là một cách tiếp cận thích hợp và vẫn có giá trị về một mảng nghiên cứu tương đối mới.

Điểm mạnh của phương pháp nghiên cứu lưu trữ là có thể cung cấp các tài liệu sơ cấp có ý nghĩa lớn trong việc hình thành tri thức lịch sử, đặc biệt là các văn bản được ban hành bởi các cơ quan nhà nước. Việc tiếp cận được các tài liệu của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp và một số đơn vị cấp cơ sở tại địa phương có thể giúp ích rất lớn trong việc hiểu được quan điểm của Ban Bí thư, Bộ Chính trị và những lãnh đạo ngành giáo dục thời đó về các vấn đề trọng tâm

trong công tác tiếp quản nền giáo dục Đại học của Việt Nam Cộng hòa, tạo nên một hệ thống quản lý và điều hành nền giáo dục Đại học trên một đất nước vừa mới thống nhất.

Tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu hồ sơ lưu trữ có những hạn chế đặc thù. Không phải tất cả các tài liệu lưu trữ liên quan tới quá trình tiếp quản đại học xảy ra trong những năm 1975 - 1976 và những năm về sau đều thuộc diện được tiếp cận hay cho phép sao lưu. Một số tài liệu vẫn ở tình trạng hạn chế tiếp cận, kể cả sau thời hạn giải mật. Bên cạnh đó, một quyết sách lớn về giáo dục như vậy sẽ liên quan tới rất nhiều các bộ, ban, ngành; trong khi đó, nghiên cứu này chỉ khai thác các tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III tại Hà Nội. Điều này cũng có nghĩa là nhiều tài liệu quan trọng đang được các cơ quan lưu trữ khác, tiêu biểu như Cục Lưu trữ, Văn phòng Trung ương Đảng, bảo quản là nằm ngoài phạm vi tiếp cận của những người thực hiện nghiên cứu này. Đây là hai trong số những vấn đề về phê phán sử liệu được đặt ra một cách khiêm tốn trong phạm vi nghiên cứu này.

Hơn thế nữa, rõ ràng các nghiên cứu lưu trữ đặc thù của khoa học lịch sử bị giới hạn bởi khả năng tư liệu dùng trong một nghiên cứu cụ thể, cũng như cần bổ túc hoặc kết hợp thêm các phương pháp nghiên cứu định tính như lịch sử truyền miệng và phỏng vấn sâu để có thể có được một bức tranh toàn cảnh hơn về vấn đề nghiên cứu, nhất là các vấn đề có tác động xã hội sâu rộng như chính sách tiếp quản đại học. Nghiên cứu này không tránh khỏi mang trong mình những giới hạn về góc nhìn mà những người nghiên cứu đã ý thức được, trong khuôn khổ có giới hạn về mặt sử liệu của nó.

3. Kết quả nghiên cứu

Căn cứ vào kết quả khai thác các tài liệu lưu trữ tiếp cận được tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, có thể nhận thấy một số vấn đề sau trong quá trình chỉ đạo và triển khai công tác tiếp quản đại học ở miền Nam Việt Nam:

Ngay sau khi đất nước thống nhất, chỉ thị số 221-CT/TW đã tạo ra một bộ tiêu chuẩn “cứng” về việc tuyển sinh viên ngành sư phạm - những người sẽ được đào tạo tại các trường đại học sư phạm để dạy bậc trung học phổ thông, mặc dù các tiêu chuẩn này có thể được áp dụng có điều chỉnh đối với những sinh viên được các trường sư phạm thuộc các tỉnh, thành phố đào tạo sau 30/04/1975 (tức là các giáo viên học trung học sư phạm và sơ học sư phạm). Kể cả khi đủ điều kiện được tuyển, các sinh viên sư phạm khi tốt nghiệp ra trường vẫn phải trải qua một thời gian “tập sự nghề nghiệp” mới có thể được chính thức tuyển dụng. Thông tư số 01/TT của Bộ Giáo dục, ký ngày 13/1/1977 *hướng dẫn về chế độ tập sự và tuyển vào biên chế những giáo viên được đào tạo sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng* quy định “Mọi giáo viên được đào tạo và tạm tuyển sau ngày giải phóng (30/4/1975) nhất thiết phải qua một thời gian tập sự nghề nghiệp nhằm tiếp tục học tập về đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, tiến tới làm tốt hơn nữa công tác giáo dục và giảng dạy”. Trong các yêu cầu về việc xét tuyển vào biên chế nhà nước, tiêu chuẩn đầu tiên phải là “Lý lịch rõ ràng, được cơ quan chính quyền cấp cơ sở xác nhận”. Vấn đề tuyển sinh vào trường đại học sư phạm đến năm 1979 được quy định lại thông qua Thông tư số 10/TT ngày 5/3/1979 của Bộ Giáo dục về việc hướng dẫn tuyển sinh vào sư phạm năm học 1979 - 1980, nhưng không có nhiều thay đổi lớn.

Cũng trong giai đoạn này, nhiều trường đại học sư phạm mới đã nhanh chóng được thiết lập; nhiều trường đại học khác được nâng cấp. Ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng đã ký *Quyết định số 426/TTg về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học*, qua đó thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Sư phạm Huế. Hai trường đại học sư phạm này được bàn giao cho Bộ Giáo dục [14] [5, 111]. Cũng

thông qua *Quyết định số 426/TTg*, Trường Đại học Cần Thơ được thành lập trên cơ sở Viện Đại học Cần Thơ, gồm hai khoa: Nông nghiệp và Sư phạm. Khoa Sư phạm có những ngành học về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Năm 1977, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ra *Quyết định số 1842/QĐ* ngày 21/12/1977 thành lập cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn (trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Huế). Ngày 13/7/1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành *Quyết định số 02/HĐBT* thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn. Đây là các trường đại học sư phạm chủ lực ở miền Nam chưa kể đến hệ thống các trường đại học sư phạm ở miền Bắc giai đoạn này.

Về việc đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thầy giáo và học sinh mà Chỉ thị số 222-CT/TW có nêu, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp báo cáo rằng “đã mở đợt giáo dục chính trị cơ bản cho tất cả giáo chức và học sinh ở các tỉnh phía Nam, kết quả đạt được khá tốt” và “...sau đợt giáo dục, đã tổ chức để cán bộ và học sinh tham gia cải tạo và xây dựng lại nhà trường đại học theo đường lối giáo dục xã hội chủ nghĩa...” [5]. Bên cạnh đó, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp “đã đưa công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin vào nội dung chính khóa của các trường phía Nam” cho sinh viên, cũng như tiến hành công tác giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin “cho một bộ phận giáo chức” [5].

Về việc cải biến thành phần giai cấp trong trường học, Chỉ thị 222-CT/TW xem “bổ túc văn hóa và tuyển sinh” là hai phương tiện để thực hiện nhiệm vụ này trong học sinh đại học và chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, đối với đội ngũ giáo chức đại học, chỉ thị nêu rõ “Giáo dục, bồi dưỡng và sử dụng các thầy giáo do chế độ cũ để lại, đồng thời đưa một số thầy giáo, nhất là các thầy giáo quê ở miền Nam đang công tác ở miền Bắc, có trình độ chuyên môn khá, có phẩm chất chính trị tốt, bổ sung vào đội ngũ các thầy giáo của các trường ở miền Nam để làm nòng cốt” [7]. Sau một năm thực hiện, Bộ Đại học và Trung

học chuyên nghiệp đã có những đoạn báo cáo đáng lưu ý như sau:

“...Trong thời gian tới, cuộc đấu tranh giai cấp bên ngoài xã hội ở miền Nam sẽ diễn ra gay go và quyết liệt. Các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, một bộ phận của xã hội miền Nam không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh đó mà phải tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh đó. Thông qua cuộc đấu tranh đó, các trường đại học và trung học chuyên nghiệp ở miền Nam sẽ góp phần cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đồng thời tự cải tạo và tự xây dựng mình theo phương hướng của nhà trường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy trong tư tưởng chỉ đạo của chúng ta cần có ý thức sẵn sàng thay đổi kế hoạch dạy và học để thích ứng với hoàn cảnh của xã hội miền Nam có nhiều biến động lớn do cuộc đấu tranh giai cấp tạo ra. Những sự thay đổi đó tuy có gây một số khó khăn nhất định trong việc ổn định công tác của nhà trường nhưng lại đem lại nhiều lợi ích về mặt giáo dục và rèn luyện đội ngũ cán bộ giảng dạy và học sinh của nhà trường của chúng ta...” [2].

Một báo cáo khác liên quan là *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác Giáo dục Đại học và THCN ở phía Nam (1977)* của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. Báo cáo này đã đề cập kỹ hơn vấn đề sàng lọc sinh viên: “...xem xét và giải quyết số học sinh có vấn đề chính trị, có sai lầm về đạo đức, tư cách, số đã khai man lý lịch để vào trường. Đã hướng dẫn các trường tổ chức cho học sinh khai lại lý lịch, nghiên cứu phân loại số có vấn đề, thống kê lập danh sách, tiến hành thẩm tra lý lịch và xử trí các trường hợp phạm sai lầm nặng” [5]. Theo báo cáo này, chỉ một số nhỏ sinh viên, hơn 150 người, của các trường đại học ở miền Nam đã “bị xử lý buộc phải thôi học”, trong đó hơn 80% là tự động bỏ học. Báo cáo không cho biết số lượng thí sinh đủ điều kiện về học vấn nhưng không được theo học đại học vì vấn đề lý lịch trong hai năm học 1976 - 1977 và 1977 - 1978.

Về việc sửa đổi cơ cấu ngành học, hệ thống đào tạo đại học ở miền Nam, Chỉ thị số 688/CT về nhiệm vụ năm học 1976 - 1977 đối với các trường đại học ở miền Nam cho thấy nhiệm vụ của các trường đại học miền Nam là "... thực hiện chỉ thị 222-CT/TU của Ban bí thư... cải tạo và xây dựng các trường đại học ở miền Nam để nhanh chóng cùng với các trường đại học ở miền Bắc hình thành một hệ thống giáo dục thống nhất trong cả nước theo hướng cải cách giáo dục" [4]. Việc sửa đổi cơ cấu ngành học đã tác động mạnh đến một số ngành, đặc biệt là các ngành khoa học xã hội. Cụ thể, Chỉ thị 222/CT/TU đã nêu lên yêu cầu "... Cần cải tạo về cơ bản các ngành khoa học xã hội (luật, văn, triết...) trước khi mở lại các khoa này. Đối với số học sinh đang học luật, văn, triết cần có kế hoạch chuyển sang học các ngành có yêu cầu lớn như sư phạm và kỹ thuật, kinh tế... Đối với các ngành khoa học xã hội, năm học 1975-1976 chưa tuyển sinh..." [7]. Năm 1976, trong *Báo cáo*, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ghi nhận rằng đã "đình chỉ việc đào tạo học sinh ngành luật, chuyển sinh viên Luật qua học kinh tế. Giữ lại một số sinh viên trường đại học văn khoa để tiếp tục đào tạo, còn lại được chuyển sang học ngành sư phạm hoặc thi lại đại học vào trường khác" [3]. *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác giáo dục đại học và THCN ở phía Nam (1977)* cho biết thêm rằng Bộ đã "điều chuyển trên 3.100 học sinh của các trường tư sang học ở các trường công và chuyển trường cho 433 học sinh ở miền Bắc về học ở các trường đại học ở phía Nam" [5, 7]. Đáng chú ý, một trong những vấn đề cấp bách của việc tiếp quản hệ thống đào tạo đại học ở miền Nam là việc thiếu giáo chức. Theo *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác giáo dục Đại học và THCN ở phía Nam* thì thiếu cán bộ giảng dạy đại học là khó khăn lớn, mặc dù đã điều động một số lượng đáng kể cán bộ giảng dạy giỏi từ miền Bắc vào làm cán bộ cốt cán [5, 6]. Để đối phó với tình trạng này, "... ngoài việc huy động số thầy hiện có của

trường (bao gồm các giáo chức cũ có thể giảng dạy được, số cán bộ giảng dạy được điều từ miền Bắc về bổ sung cho trường), các trường phải mời một số khá đông cán bộ giảng dạy của các trường đại học phía Bắc vào giảng giúp" [5, 3]. Ngoài ra, một loạt các công tác khác nhằm thay đổi hệ thống đào tạo đã được tiến hành: các trường đã thực hiện một số chế độ quản lý giảng dạy và học tập, tiến hành một số mặt công tác giáo vụ [5, 3]; một số trường phát động phong trào dạy tốt và học tốt [5, 3]; công tác bồi dưỡng cán bộ giảng dạy được chú trọng [5, 4].

Việc sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học ở miền Nam được tiến hành theo hướng giải thể đại học cộng đồng và đại học tư, tiếp quản cơ sở vật chất và thiết bị của các trường này để "tu bổ sửa chữa và đưa vào sử dụng cho công tác đào tạo" [4, 5], sau đó tiến tới việc giải thể các viện đại học để "tạo điều kiện cho Bộ trực tiếp chỉ đạo và quản lý các trường Đại học" [4, 5]; trong lúc đó, Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp cho thành lập một số trường mới. Như vậy, đã có sự thay đổi so với chỉ đạo ban đầu trong Chỉ thị 222/CT/TU khi Chỉ thị của Ban Bí thư quyết định rằng "Ở miền Nam, Bộ Giáo dục Cộng hoà miền Nam Việt Nam thống nhất quản lý tất cả các Viện đại học và các trường chuyên nghiệp" [7]. Điều này là dễ hiểu sau khi hai miền đã thống nhất hoàn toàn về mặt bộ máy quản lý sau ngày 25/4/1976, khi nhân dân cả nước tham gia Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa VI. Trong *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác giáo dục Đại học và THCN ở phía Nam của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (1977)*, với việc thi hành Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học, Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp đã tổ chức lại các trường đại học ở phía Nam. Một số Trường đã được sát nhập lại (như trường Hợp Đại học Văn khoa và Khoa học thành Trường Đại học Tổng hợp) hoặc tách ra (như trường Hợp Trường Việt - Đức thuộc trường Đại học Sư

phạm Kỹ thuật Thủ Đức thành Trường Trung học Công nghiệp Thủ Đức); hai trường đại học sư phạm (Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Sư phạm Huế) được bàn giao cho Bộ Giáo dục [tr.11], bàn giao một số trường khác cho Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, lập hai trường mới là Trường Đại học Đà Lạt và Trường Đại học Tây Nguyên và hai trường dự bị đại học. Tổng số là chín trường đại học và hai trường dự bị đại học ở miền Nam vào thời điểm ấy. Dần dần, như nhà nghiên cứu Lâm Quang Thiệp (2021) tóm lược, một hệ thống các trường đại học tổng hợp và các trường đại học đơn lĩnh vực hoặc đơn ngành đã được xây dựng trên địa bàn miền Nam sau năm 1975; trong lúc ấy, mô hình viện đại học, viện đại học cộng đồng, và loại hình đại học tư trước đây bị xóa bỏ [13, 3].

Về việc sửa đổi chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo, các báo cáo đã chỉ ra một số hoạt động cụ thể. Cán bộ giảng dạy giỏi từ miền Bắc vào trình bày kinh nghiệm về xây dựng chương trình, giáo trình, về phương pháp giảng dạy của môn học... Một số trường tranh thủ mời chuyên gia nước ngoài và Việt kiều tới trường trình bày chuyên đề khoa học [5, 5]. Tiếng Nga được đưa vào phổ biến trong nhà trường. Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện việc “Kết hợp công tác phục vụ giảng dạy và học tập ở các Trường Đại học” theo tinh thần Chỉ thị 222/TTG¹ cho thấy rằng “bước đầu cải tạo nhà trường cũ và xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa và đã có nhiều cố gắng tổ chức cho thầy và trò tham gia lao động sản xuất ở các vùng kinh tế mới (tất cả các trường), tiến hành một số công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật để góp phần phục hồi sản xuất của các xí nghiệp (các Trường Đại học Cần Thơ, Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học, Đại học Công nghệ Thủ Đức, Đại học Kiến trúc) và tham gia các hoạt động xã hội khác nhằm xóa bỏ tị nạn

của xã hội cũ, xây dựng xã hội mới”. Như vậy, ngoài việc tiếp tục các công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất đã nhận trước đây, “các trường đại học đều đang tìm chọn những công việc lớn có ý nghĩa đối với việc thực hiện kế hoạch nhà nước và phù hợp với một số trường đã nhận được vài công việc lớn và đã lần lượt xuất quân. Các trường cũng đang suy nghĩ những cải tiến mới về nội dung và phương pháp đào tạo với tinh thần cải cách giáo dục” [6]. Tuy nhiên, cơ cấu ngành học, thời gian đào tạo, qui mô đào tạo của từng trường cho đến năm 1977 vẫn chưa có quyết định cụ thể từ Bộ [6, 5]. Việc sửa đổi nội dung và phương pháp giảng dạy được đặt ra; dù vậy, đến năm 1977 kết quả vẫn chưa được như kỳ vọng [6, 5].

4. Thảo luận

Nhìn chung, vấn đề tiếp quản giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam là một chủ đề chưa nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu, dù đây là một chủ đề quan trọng trong nghiên cứu về Việt Nam trong thời kỳ hậu chiến. Tựu trung, lịch sử nghiên cứu vấn đề cho tới hiện tại thống nhất về hai đặc điểm của quá trình tiếp quản nền giáo dục miền Nam: một là tính chính trị và hai là tính ý thức hệ; sự khác biệt giữa những nghiên cứu về chủ đề này có lẽ là nằm ở góc nhìn cũng như mức độ và cách thức lựa chọn tư liệu.

Tác giả Trương Thị Bích Hạnh (2018) đã có một nghiên cứu ngắn có tính phê phán đánh giá quá trình tiếp quản đại học tại miền Nam là một phần của quá trình mô hình giáo dục của miền Bắc đã được áp dụng trên phạm vi cả nước [10]. Nhận định này là tương tự với nhận định của nhà nghiên cứu Lâm Quang Thiệp, khi ông cho rằng “...từ sau năm 1975, cả nước ta có một hệ thống GD ĐH thống nhất theo cùng một mô hình và theo cùng một cách điều hành (kiểu Liên Xô)” [13, 3]. Theo tác giả Trương Thị Bích Hạnh, sự

¹ Lưu ý, Chỉ thị 222/TTG của Thủ tướng Chính phủ là về “Kết hợp công tác phục vụ giảng dạy và học tập ở các trường đại học” ban hành vào năm 1974, khác với nội dung của Chỉ thị 222/CT/TU của Ban Bí thư ban hành vào năm 1975.

chuyển dịch của nền giáo dục “chịu ảnh hưởng của Mỹ” tại miền Nam sang mô hình miền Bắc được xem là đã diễn quá nhanh và vội vã; những lợi thế của nền giáo dục miền Nam đã không được ghi nhận và thúc đẩy một cách hợp lý, “không dựa trên việc nghiên cứu toàn diện về đặc điểm giáo dục của mỗi miền”. Đây là một nhận xét đáng chú ý nếu được đặt trong hiểu biết rằng Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp (1977) đã lưu ý rằng “trong việc sửa đổi và xây dựng các qui chế về giảng dạy học tập chung cho cả nước, cần có những hướng dẫn thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình của phía Nam” [5, 6]. Tác giả Trương Thị Bích Hạnh cho rằng quá trình thống nhất giáo dục hai miền đã tạo ra một hệ thống giáo dục mang tính giáo điều, chương trình cồng kềnh với nhiều kiến thức không hữu dụng, nặng về thi cử, điểm số và không thúc đẩy được sự năng động và sáng tạo của người học. Điều này dẫn tới chất lượng giáo dục thấp và không đồng đều [10]. Nghiên cứu của tác giả Trương Thị Bích Hạnh không phân tích một khía cạnh khác có tính chính trị của quá trình tiếp quản đại học miền Nam là chính sách tuyển sinh đại học sau năm 1975. Khi bàn về vấn đề này, cần nhận thấy những vấn đề liên quan đến cái gọi là chủ nghĩa lý lịch từ sau khi đất nước thống nhất đã được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài đề cập tới, nhưng gặp phải những giới hạn về tư liệu để có thể đưa ra một kết luận có tính thuyết phục và khách quan hơn [8] [9] [12]. Đây cũng là điều mà phạm vi tư liệu chúng tôi đã tiếp cận được cũng vẫn chưa làm rõ được, ngoại trừ tự thân tư liệu đã cho thấy một sự gia tăng đáng kể số lượng học sinh đỗ đại học đến từ các thành phần có lý lịch được ưu tiên. Cũng đáng lưu ý là số lượng sinh viên buộc phải thôi học vì vấn đề chính trị cũng ở số lượng rất nhỏ như nghiên cứu của chúng tôi đã chỉ ra. Điều này đặt ra những vấn đề cần được phát triển trong các nghiên cứu toàn diện hơn trong tương lai, nhất là chính sách tuyển sinh sau khi thống nhất đất nước và tác động của nó.

Ngoài tính chính trị của chính sách cải tạo giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam sau khi đất nước thống nhất mà tác giả Trương Thị Bích Hạnh phân tích, một ý kiến chúng tôi tán đồng, công cuộc tiếp quản hệ thống giáo dục Đại học của miền Nam có tính giai cấp rõ nét. Đã có những nghiên cứu trước đây nêu ra vấn đề ý thức hệ trong giáo dục, cho rằng giai đoạn sau năm 1975 tới 1995 là giai đoạn thiết lập chủ nghĩa xã hội và phê phán nền văn hóa Mỹ, “tạo ra một sự thống nhất về hệ tư tưởng trong cả nước” [11, 44] - “một kế hoạch ý thức hệ toàn diện” [9, 462]. Nhưng câu hỏi đặt ra là làm thế nào để tạo ra sự thống nhất toàn diện ấy? Nghiên cứu quan hệ giữa các chỉ thị của Ban Bí thư và các báo cáo của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cũng đã cho thấy sự can thiệp của Đảng trong vấn đề giáo dục Đại học đi từ cấp trung ương tới địa phương, từ Đảng tới chính quyền các cấp. Theo Chỉ thị số 221-CT/TW (17/6/1975) của Ban Bí thư khóa III Đảng Cộng sản Việt Nam: “Các cấp ủy Đảng cần đặt đúng vị trí của công tác giáo dục trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của miền Nam trong giai đoạn mới, phối hợp chặt chẽ lãnh đạo giáo dục với lãnh đạo kinh tế và quốc phòng, trước mắt cần nghiên cứu và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này. Nội dung Chỉ thị này cần được các Tỉnh ủy phổ biến đến các Huyện ủy, các Đảng ủy và Chi ủy, các tổ chức cơ sở Đảng về các phần thuộc phạm vi trách nhiệm của từng cấp”. Tính “Đảng” trong vấn đề lãnh đạo nền giáo dục mới là một điều rõ ràng. Chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư, các báo cáo của Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất đều có một phần rất quan trọng liên quan tới vấn đề đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thầy giáo và học sinh và thay đổi thành phần giai cấp trong trường học thông qua chính sách tuyển sinh, chính sách học bổng. Tương tự là kế hoạch phát triển hệ thống trường đại học sư phạm và đào tạo giáo viên sư phạm trong giai đoạn mới của Bộ Giáo dục. Góc nhìn

qua lăng kính giai cấp này góp phần giải thích lý do phía sau việc nhấn mạnh học tập chính trị, học đi đôi với hành, đưa giáo chức và sinh viên đi kinh tế mới và hỗ trợ sản xuất.

5. Kết luận

Nghiên cứu góp phần làm rõ quá trình tiếp quản và cải tạo giáo dục đại học ở miền Nam sau năm 1975 với đặc tính chính trị và ý thức hệ rõ rệt. Các chính sách cải cách đã đạt được mục tiêu thống nhất hệ thống giáo dục cả nước nhưng cũng gặp phải những khó khăn trong việc tích hợp các yếu tố giáo dục của hai miền. Việc cải tạo các ngành học và cơ cấu tuyển sinh đã ảnh hưởng lớn đến sinh viên và giáo viên, đặc biệt là trong các ngành khoa học xã hội. Chính sách giáo dục chính trị được áp dụng rộng rãi góp phần thống nhất hệ tư tưởng, nhưng cũng giống như mô hình của đa số các nước trong giai đoạn này là chưa thúc đẩy được sự sáng tạo và năng động của người học. Nghiên cứu cho thấy cần có những nghiên cứu đi xa hơn để hiểu biết rõ hơn về những điều đã làm được cũng như những hạn chế và tồn tại của nền giáo dục đại học ngay sau khi đất nước thống nhất cũng như tác động của nó nói chung, và lý do tại sao cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba diễn ra trong giai đoạn lịch sử này đã không thể giải quyết được những hạn chế và tồn tại này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Tuyên giáo Trung ương. (2010). *Lịch sử 80 năm ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2010)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [2] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. (1976). *Chỉ thị Số 242/CT.CHCN về nhiệm vụ năm học 1976 - 1977 đối với các trường Trung học chuyên nghiệp ở miền Nam* (Số 242/CT.CHCN, 25/10/1976). Tp. Hồ Chí Minh: Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp.
- [3] Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. (1976). *Báo cáo tình hình giáo dục Đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam từ khi Giải phóng tới nay*.
- [4] Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. (1976). *Chỉ thị số 688/CT về nhiệm vụ năm học 1976 - 1977 đối với các trường đại học ở miền Nam*.
- [5] Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. (1977). *Báo cáo tình hình và một số kiến nghị về công tác giáo dục Đại học và THCN ở phía Nam*.
- [6] Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. (1977). *Báo cáo sơ kết Tình hình thực hiện việc “Kết hợp công tác phục vụ giảng dạy và học tập ở các trường Đại học” theo tinh thần CT222/TTG*.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2004). *Văn Kiện Đảng Toàn tập*, tập 36 (1975). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- [8] S. Denney. (1990). *Human Rights and Daily Life in Vietnam*. Report prepared for the Lawyers Committee for Human Rights. Truy cập 28/5/2024, từ <https://www.ocf.berkeley.edu/~sdenney/SRV-Discrimination-1990>.
- [9] M. Grossheim. (2021). Reunification without Reconciliation?: Social Conflicts and Integration in Vietnam after 1975. *인문논총 제* [Journal of Humanities], Số 78 (2), tr.459-488.
- [10] Hạnh, T.T.B. (2018). Building up education system for reunified Vietnam after 1975: challenges, solutions and some experiences, *The Korean Journal of History*, tập 56, tr.85-93.
- [11] M.P. Hop, J.W. Yang. (2013). Introduction of Pragmatism in Vietnam, *International Journal of Philosophy*, tập 1, số 3, 2013, tr. 38-46. DOI: 10.11648/j.ijp.20130103.11
- [12] A.M. Leshkovich (2014). Standardized Forms of Vietnamese Selfhood: An Ethnographic Genealogy of Documentation. *American Ethnologist*, số 41 (1), tr.143-162
- [13] Thiệp, L.Q. (2021). “Giáo dục đại học trong hệ hình giáo dục cận - hiện đại của Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 46 (10/2021), tr.1-5.
- [14] Thủ tướng Chính phủ. (1976). *Quyết định về một số vấn đề cấp bách trong mạng lưới các trường đại học* (Số: 426-TTg).